

ÂN DỤ Ý NIỆM VỀ THỜI GIAN TRONG TẬP THƠ “TÔI & ĐÊM, VÀ...” CỦA ANH HỒNG

NGÔ BẢO TÍN¹

NGUYỄN BẢO KHANG²

PHAN NGUYỄN THANH TÂN³

Abstract: Conceptual metaphor is an important means contributing to the diversity of literary discourse by enabling the perception of abstract ideas. This article presents basic aspects of conceptual metaphor theory, embodied experience theory, and the analysis of time-related conceptual metaphors in Anh Hong's poetry collection “Me & Night, and...”. To achieve this, we use research methods such as comparative, descriptive, introspective, data analysis, and the MIP method. The results highlight metaphorical representation of time through mapping models and ray diagrams. Besides, the research also contributes an additional perspective for those interested in Cognitive Linguistics and Anh Hong's poetry.

Keywords: *conceptual metaphor, embodiment, poetry collection “Me & night, and...”, Anh Hong*

1. Mở đầu

Năm 1980, cuốn *Metaphors We Live By* (Chúng ta sống bằng ẩn dụ) ra đời, đặt nền móng cho sự ra đời và phát triển của ngôn ngữ học tri nhận. Năm 1989, tại thành phố Duisburg, Hội Ngôn ngữ học tri nhận Quốc tế được thành lập (International Cognitive Linguistics Association). Ở Việt Nam, cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, ngôn ngữ học tri nhận được du nhập và trở thành trào lưu nghiên cứu, với các công trình chuyên luận của Lý Toàn Thắng [10], [11], Trần Văn Cơ [1], [2], Trịnh Sâm [8], [9],... Tuy nhiên, do thời gian tiếp cận ngắn nên việc nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận trong nước vẫn cần được tiến hành liên tục nhằm củng cố lí thuyết và phát triển trên các ngữ liệu tiếng Việt.

Ý niệm về thời gian có vai trò quan trọng trong việc miêu tả thế giới nội tâm của con người. Thông qua ý niệm thời gian, con người thể hiện ý thức tri nhận về sự vận động của vạn vật. Bên cạnh đó, ý niệm về thời gian còn chi phối đến các ý niệm khác như không gian, con người, vật thể,... Sự hiểu biết về thời gian giúp chúng ta minh định bản thân, khám phá vũ trụ.

Tôi & đêm, và... là tập thơ tiêu biểu của tác giả Anh Hồng. Xuyên suốt những vần thơ, tác giả trần trụi về mối quan hệ giữa con người với thời gian. Những ý niệm về thời gian được tổ chức dưới trí tuệ đương đại, mang yếu tố hiện sinh. Những ràng buộc giữa thời gian với kiếp người, ánh sáng với bóng tối, sống với chết,... được thể hiện. Việc nghiên cứu ẩn dụ ý niệm về thời gian trong ngữ liệu góp phần vào việc nghiên cứu ý niệm thời gian theo triết lí hiện sinh.

Nhằm củng cố lí thuyết và đóng góp vào việc nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận trên ngữ liệu thơ đương đại, trong bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày khái quát về lí thuyết ẩn dụ ý niệm, lí thuyết nghiệm thân, thống kê và phân tích ẩn dụ ý niệm về thời gian trong tập thơ *Tôi & đêm, và...* của Anh Hồng.

2. Cơ sở lí luận

2.1. Khái niệm ẩn dụ ý niệm

Từ trước Công nguyên, Aristotle luận bàn về ẩn dụ. Ông cho rằng ẩn dụ thuộc về ngôn từ nghệ thuật, tức ẩn dụ là một phương thức sử dụng từ ngữ có đánh dấu, thuộc về phương diện ngôn ngữ. Tuy nhiên, đến thập niên 80 của thế kỉ XX, các nhà ngôn ngữ học tri nhận đưa ra những quan điểm mới về ẩn dụ. Sự thay đổi quan trọng trong nhận thức về ẩn dụ được đánh dấu bằng công trình *Metaphors We Live By* của George Lakoff và Mark Johnson [14]. Ẩn dụ không chỉ thuộc về ngôn ngữ mà còn thuộc về tư duy và hành động [14, tr.4]. Hay nói cách khác, ẩn dụ xuất hiện trong mọi góc ngách của cuộc sống.

Ẩn dụ ý niệm có thể được hiểu là một quy trình ánh xạ, thường đơn chiều, xuất phát từ miền nguồn sang miền đích. Miền đích là miền trừu tượng hay miền muốn hiểu và miền nguồn là miền cụ

¹ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Email liên hệ: ngobaotin.hg.2021@gmail.com

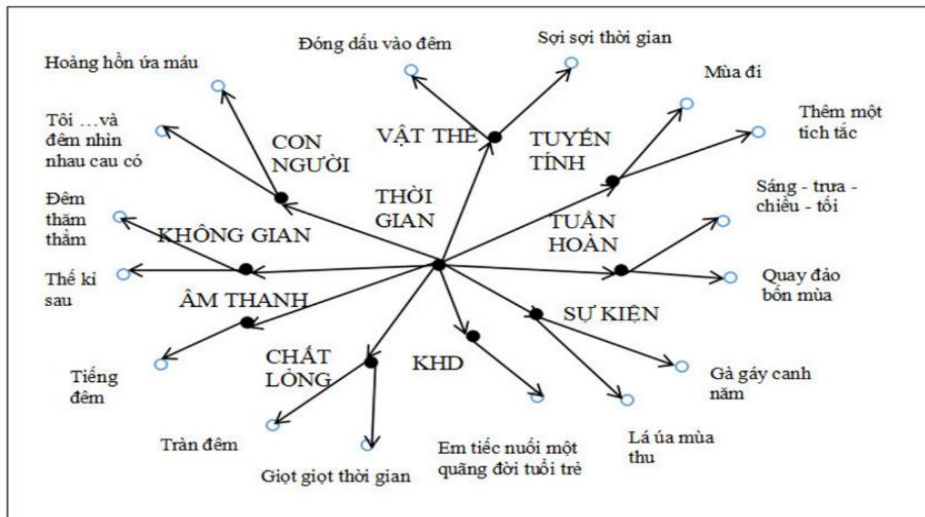
² Trường Đại học Sài Gòn

³ Trường Đại học Cần Thơ

Bảng 2. Thống kê số biểu thức ngôn ngữ và số lần sử dụng miền nguồn ẩn dụ ý niệm về thời gian trong tập thơ “Tôi & đêm, và...” của Anh Hồng

STT	Miền nguồn	Số biểu thức	Tỉ lệ (%)	Số lần sử dụng	Tỉ lệ (%)
1	Vật thể	39	32,77	47	34,56
2	Tuyến tính	23	19,32	28	20,59
3	Chất lỏng	16	13,44	16	11,76
4	Không gian	10	8,41	11	8,09
5	Sự kiện	9	7,56	10	7,35
6	Kẻ hủy diệt	9	7,56	10	7,35
7	Tuần hoàn	8	6,72	8	5,88
8	Con người	3	2,53	4	2,94
9	Âm thanh	2	1,69	2	1,47
Tổng		119	100.00	136	100.00

Về số lượng biểu thức và số lần sử dụng ẩn dụ ý niệm, chúng tôi thu được 119 biểu thức và 136 lần sử dụng. Trong đó, ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ có số lượng biểu thức lớn nhất với 39 biểu thức (chiếm 32,77%) và 47 lần sử dụng (34,56%). Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ ÂM THANH có số lượng biểu thức nhỏ nhất với 02 biểu thức (1,69%) và 02 lần sử dụng (1,47%). Dựa trên cứ liệu, chúng tôi có thể kết luận hình thức nghiệm thân vật chất là hình thức nổi trội trong tập thơ *Tôi & đêm, và...* của Anh Hồng.



Sơ đồ 1. Sơ đồ toả tia của ẩn dụ ý niệm về thời gian trong “Tôi & đêm, và...” của Anh Hồng

Miền đích thời gian là tâm của sơ đồ toả tia. Từ tâm, các mối quan hệ giữa miền đích với miền nguồn, giữa miền nguồn với biểu thức ngôn ngữ được tạo lập. Chúng lần lượt được kí hiệu bởi sự liên kết qua mũi tên giữa hai chấm tròn đen và giữa chấm tròn đen với chấm tròn trắng. Hệ thống biểu thức ngôn ngữ trong sơ đồ mang tính chất đại diện. Sơ đồ thể hiện những mệnh đề đồng cấp.

Thời gian là một phạm trù của triết học. Con người và vạn vật trên thế giới không thể tồn tại ngoài quy luật của thời gian. Bởi vậy, việc nhìn nhận sự vật, sự việc qua lăng kính thời gian là cách để cảm thụ thế giới và con người. Trong tập thơ *Tôi & đêm, và...* của Anh Hồng đề cập đến vấn đề thời gian ở nhiều khía cạnh khác nhau nhưng hầu hết đều hướng tới mối quan hệ gắn bó giữa thời gian với vạn vật. Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ là ẩn dụ ý niệm phổ biến trong tập thơ. Anh Hồng đã thể hiện tư duy đặc biệt, thông qua những đặc trưng của sự vật để nhìn nhận và hiểu về thời gian. Loại ẩn dụ ý niệm quen thuộc nhưng được thể hiện mới mẻ qua tư duy của Anh Hồng. Phạm trù vật thể được phóng chiếu sang phạm trù thời gian, nên thời gian được hiểu, được cảm nhận như những vật thể hiện hữu, sống động. Thời gian mang những đặc tính của vật thể như màu sắc, kích thước, hình dáng, trạng thái, v.v.

giấc mơ kéo dài... chuỗi thời gian ngũ sắc / có con chuồn chuồn đỏ bầm màu máu, ngàn năm chưa hoá nổi kiếp (tr.15)

Thời gian được thực thể hoá, vật chất hoá. Do vậy, thời gian có thể kết thành *chuỗi* và mang nhiều màu sắc khác nhau. Ý niệm về thời gian được thực hiện dựa trên ý niệm về vật chất và ý niệm về màu sắc.

Theo quan niệm của Phật giáo, *ngũ sắc* là số lượng màu sắc của lá cờ Phật giáo. Mỗi màu sắc mang ý niệm khác nhau, màu xanh dương tượng trưng cho Từ bi, màu vàng tượng trưng cho Trung đạo, màu đỏ tượng trưng cho Đạo đức, màu trắng tượng trưng cho Đạo pháp vượt ra khỏi không gian và thời gian, màu cam tượng trưng cho Trí tuệ, màu tổng hợp (màu thứ sáu) tượng trưng cho Sự thật tuyệt đối [7].

Trong triết học cổ đại của người Trung Hoa, ngũ hành gồm: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ, thể hiện sự tương xung, tương khắc, tương quan của mọi mối quan hệ. Bên cạnh đó, qua sự vận động của ngũ hành, mỗi quan hệ về bản chất của tự nhiên với con người được hình thành.

Ý niệm *thời gian ngũ sắc* trong thơ Anh Hồng được cấu thành dựa trên ý niệm ngũ sắc của Phật giáo, triết học cổ đại của người Trung Hoa. Không dừng ở việc miêu tả thời gian thuần túy, thời gian gắn liền với những triết lí.

Bên cạnh đó, phạm trù thời gian còn được tri nhận qua phạm trù không gian: *Nếu một ngày nào đó khi em tỉnh dậy / sau một đêm dài thập thõm trong mộng mị phù du* (tr.61)

Không gian là phạm trù cơ bản, có vai trò làm nền tảng cho các sự kiện tri nhận thuộc phạm trù khác. Không gian mang đặc tính rộng, hẹp, dài, ngắn,... Khi được ánh xạ bởi không gian, thời gian mang đặc tính của không gian. Bên cạnh đó, ý niệm màn đêm song tồn với ý niệm ánh sáng. Chúng được cấu thành dựa trên chu kì chiếu sáng của mặt trời. Do vậy, màn đêm mang đặc tính phi vật chất và có thể tri nhận qua kênh thị giác. Trong thơ Anh Hồng, màn đêm là một vật thể có kích thước *dài* và *đêm* được *một*. Lối tri nhận thời gian được thực hiện dựa trên sự kết hợp giữa nghiệm thân vật chất và ý niệm về không gian.

- *gió âm âm vọng từ vực sâu hun hút đập vào vách thời gian... / phi lý lâu dần biến thành có lý!?* (tr.53)

- *Em còn anh nữa đâu..! / từng mảnh nhỏ của đêm lắng sâu trong lòng biển...* (tr.58)

- *Nhìn xuyên màn đêm / Hang đá đen ngòm, lạnh buốt* (tr.65)

- *tôi - người đàn bà qua hai mùa tóc / lân tay vào đêm* (tr.67)

Thời gian được tri nhận qua *vách đá*, *mảnh vật thể*, *màn*, *tóc*,... Nghiệm thân vật chất, nghiệm thân sinh lí là cơ sở chủ yếu của các quá trình tri nhận này. Những hiện tượng ánh xạ thường quy được thời hiện *màn đêm*. Đồng thời, chủ thể tri nhận bị ám ảnh bởi thời gian và nhận thức được sự thay đổi của nhân dạng. Từ đó, thời gian được ánh xạ qua nhân dạng *hai mùa tóc*. Ý niệm phân mảnh thời gian được hình thành *từng mảnh nhỏ của đêm*. Đối lập với ý niệm phân mảnh, ý niệm kết khối thời gian được hình thành *vách thời gian*. Hai ý niệm vừa diễn ra sự mâu thuẫn vừa diễn ra sự cộng hưởng và tạo nên khả năng động. Thời gian có thể không mang tính chất tĩnh mà luôn vận động, biến đổi không ngừng.

THỜI GIAN TUẦN HOÀN và THỜI GIAN TUYẾN TÍNH là những ý niệm thời gian phổ quát, phổ biến. Chúng tồn tại trong các nền văn hoá khác nhau. Tuy nhiên, trong nền văn hoá cụ thể, con người có thể phân định độ nổi trội. Trong nông nghiệp, thời gian được quy ước qua chu kì của tự nhiên: *Lịch của nông dân phản ánh sự kế tiếp của mùa và trình tự của thời vụ nông nghiệp* [3, tr.98]. Trong tiếng Đức cổ, *tid* có nghĩa là thủy triều và *ar* có nghĩa là mùa màng [3, tr.99]. Sự tri nhận thơ ngô có giá trị trong việc chi phối, cấu thành các ý niệm thời gian khác. Trong nền văn hoá Trung Hoa, thời gian được quy ước dựa trên mối quan hệ tương tác có lợi, cho phép quá trình tái sức sống của thực vật [12, tr.51]. Sự định hình mùa được tiến hành dựa trên độ nổi trội và tính chất tương phản của đặc tính. Ngoài những quy ước về tự nhiên ban đầu, đến thế kỉ XIV, đồng hồ mặt trời, đồng hồ nước, đồng hồ cát ra đời và được đánh giá là những công cụ đo thời gian hiếm hoi, xa xỉ. Nhìn chung, THỜI GIAN TUẦN HOÀN là sản phẩm của lối tư duy này, thể hiện tinh thần tri nhận thời gian qua chu kì vật chất, hiện tượng. Bên cạnh đó, ở hiện đại, lối THỜI GIAN TUYẾN TÍNH được xem là bản sắc thời gian của phương Tây. Lối thời gian này là một tiến trình không thể đảo ngược và được xem là ý niệm thời gian cơ bản. Lối thời gian này thường mang tính chủ quan, có thể được cấu thành dựa trên quy ước nhóm người hoặc cá nhân. Nếu ý niệm thời gian được xác định dựa trên tư duy cá nhân thì quá trình tái lập cấu trúc, tái nhận thức được diễn ra thường xuyên, sự nhận thức lại về hôm kia, hôm qua, hôm nay, ngày mai, ngày mốt, ngày kia,... Nhìn chung, ý niệm về sự vận động của thời gian theo đường hướng chu kì hay đường thẳng đều dựa trên cơ sở vật chất và không gian. Tuy nhiên, con người khó tìm được ranh giới rạch ròi để phân biệt hai kiểu cấu trúc này.

đêm nay... ngày mai... ngày mốt... và bao giờ / bao giờ... bình an trở lại? (tr.52)

Thời gian là vật thể chuyển động theo đường thẳng và con người bắt lực trước quy luật của thời gian. Ý niệm về thời gian làm nền tảng cho ý niệm về cảm xúc. Thời gian đóng vai trò làm cơ sở cho sự bộc phát cảm xúc. Thời đoạn *bình an* đã qua, THỜI GIAN LÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN các sự kiện. Ở góc nhìn khác, THỜI GIAN LÀ KẼ CẤP hạnh phúc của chủ thể trữ tình.

Em - một nốt trầm rơi trên phím đàn anh lướt / ngân vang sâu thẳm / mặc mùa đi... (tr.82)

Gắn chặt với ý niệm THỜI GIAN TUYẾN TÍNH là ý niệm THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI. Đặc tính *hoạt động* của con người được ánh xạ cho thời gian. Thời gian trở thành hữu thể có sự sống, có hoạt động. Lúc này, THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ CHUYỂN ĐỘNG và nhân vật *em* là điểm mốc. Xét trên phương diện logic học, ý niệm về thời gian này đúng khi điểm mốc được xác định.

em không biết mình là ai? / anh không biết mình là ai? / tay trái nắm tay phải / sáng - trưa - chiều - tối / vòng quay của mặt trời / vòng quay của mặt trăng... (tr.29)

Chu kì *sáng - trưa - chiều - tối* được tri nhận dựa trên cơ sở nghiệm thân tự nhiên. Trong đó, những thay đổi về màu sắc, ánh sáng, nhiệt độ, hình ảnh,... là cơ sở để xác định thời đoạn. Kết thúc chu kì này lại tái diễn chu kì khác. Từ ý niệm về sự vận động vòng tròn/chu kì đến ý niệm về *vòng quay*. Ý niệm về con người song tồn với ý niệm về thời gian, THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI, CON NGƯỜI LÀ VẬT THỂ TỰ NHIÊN và THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ TỰ NHIÊN. Ý niệm này vừa biểu đạt tính chất bền bỉ, vững chắc của thời gian vừa biểu đạt sức sống, khát vọng của tình yêu. Qua đó, mối quan hệ giữa ý niệm con người, thời gian, vật thể, tình yêu,... được cấu thành.

Trong văn hoá Trung Hoa, mặt trời gắn liền với Hậu Nghệ, mặt trăng gắn liền với Hằng Nga. Hai biểu tượng thể hiện triết lí âm dương. Người châu Á sử dụng lịch âm để canh tác nông nghiệp. Bên cạnh đó, mặt trăng trực tiếp ảnh hưởng đến việc nhận thức hiện tượng thủy triều. Do vậy, ngoài nông nghiệp, mặt trăng còn ảnh hưởng đến ngư nghiệp. Hai vật thể tự nhiên trở thành đáng siêu nhiên và được thờ phụng. Việt Nam thuộc không gian văn hoá châu Á nên người Việt tồn tại hệ thống tư duy này.

Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI là loại ẩn dụ ý niệm thể hiện mối tương quan giữa hai phạm trù trừu tượng. Tuy nhiên, phạm trù thời gian được xem là loại phạm trù có mức độ trừu tượng cao, chỉ tồn tại trong thế giới tinh thần. Do vậy, ánh xạ này không phá vỡ đi quy luật của ẩn dụ ý niệm.

phố trầm mặc cúi đầu... / hoàng hôn ứa máu... (tr.46)

Ý niệm về thời gian được tri nhận qua ý niệm về con người và ý niệm về hiện tượng tự nhiên, CON NGƯỜI LÀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN, THỜI GIAN LÀ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN, THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI. Điều này thể hiện tính chất hệ thống, kéo theo của ẩn dụ ý niệm. Đó là một hệ thống tư duy mang tính chất phức cấu.

Tôi...và Đêm nhìn nhau cau có / Khi nào nhân loại hết con mèo? (tr.78)

Con người rơi vào trạng thái cô đơn, bộc phát những ý nghĩ hoang đường, muốn đổi thoại với thời gian. Thời gian trở thành vết tinh thần, gây ấn tượng trong não bộ của chủ thể tri nhận. Xuất phát từ nghiệm thân sinh lí, hình dáng thời gian được hình thành và giống với hình dáng con người. Đồng thời, thời gian mang những đặc tính hoạt động của con người như *nhìn, cau có*.

Ẩn dụ ý niệm THỜI GIAN LÀ CHẤT LỎNG được cấu thành dựa trên nghiệm thân sông nước. Trong tư duy người Việt, yếu tố nước được xem như cổ mẫu và thường gắn chặt với yếu tố đất. Nước và đất được dùng để biểu đạt Quốc gia. Nước hiện hữu khắp nơi trong đời sống người Việt.

- *Chìm trong đêm / Bồng bênh muôn ý nghĩ* (tr.5)

- *sợi mưa đan chéo / gió cắt xéo vỡ vụn không trung / trôi trong đêm* (tr.5)

- *Tôi / trôi theo dòng thời gian / Từng tuổi đời hoá thạch* (tr.27)

- *Đêm giọt giọt thời gian là tả rơi bên thêm... / Em mệt rồi...ôm em chút được không anh?* (tr.36)

Trường từ vựng biểu đạt chất lỏng: *trôi, chìm, dòng, giọt,...* được dùng cho thời gian. Về mặt ngôn ngữ, phương thức hoán vị đặc tính góp phần tạo nên ý niệm THỜI GIAN LÀ CHẤT LỎNG. Dùng trạng thái tồn tại của vật thể trong chất lỏng để biểu đạt trạng thái con người trong thời gian. Hệ thống các ẩn dụ được hình thành CON NGƯỜI LÀ VẬT THỂ, CHẤT LỎNG LÀ VẬT CHỨA, THỜI GIAN LÀ VẬT CHỨA.

Ở phần THỜI GIAN LÀ VẬT THỂ, chúng tôi đã nhắc đến vai trò của không gian đối với mọi vấn đề tri nhận. Đối với mệnh đề THỜI GIAN LÀ KHÔNG GIAN, vai trò miền nguồn của phạm trù không gian được thể hiện rõ.

- *mang theo hơi thở của sinh linh cả thế kỉ sau / Và em tin tình yêu như là cội nguồn...* (tr.62)

- *mảnh trăng vỡ vụn / từ ba ngàn sáu trăm năm trước* (tr.65)

Ý niệm *trước sau* thuộc về ý niệm về không gian. Để cấu thành ý niệm *trước sau*, chủ thể tri nhận cần xác định điểm mốc và vật được định vị. Việc xác định *trước sau* phụ thuộc vào tư duy ngôn ngữ. Theo Hill [13], sự tình định vị có thể được biểu hiện khác nhau trong tiếng Anh và tiếng Hausa. Cùng một đối tượng sự tình, người Anh cho rằng A trước B nhưng người Hausa cho rằng A sau B.

Thời gian là một phạm trù vô hình, vô thể. Vì thế, khát vọng trực tiếp định vị thời gian dường như là viễn vọng. Thời gian được gián tiếp định vị qua ý niệm của không gian và tuân thủ các quy định định vị của không gian về đối tượng được định vị (Trajectory - TR) và mốc/vùng định vị (Landmark - LM). Loại thức tri nhận *trước sau* trong thời gian thường gắn liền với mô hình kiểu thời gian tuyến tính. Hay nói cách khác, tư duy tri nhận thời gian qua không gian chi phối đến mô hình tuyến tính. Mô hình thời gian tuyến tính có cấu trúc cơ bản dựa trên không gian. “Nhận thức không gian về thời gian được diễn ra trong những lớp vỏ xưa của nhiều ngôn ngữ và đa số những khái niệm thời gian là những khái niệm không gian” [3, tr.105]. Tóm lại, không gian và thời gian được hình thành trong kinh nghiệm và không thể tách rời kinh nghiệm. Trong đó, ý niệm không gian có vai trò làm nền tảng cho việc chiếu xạ ý niệm thời gian.

Ý niệm THỜI GIAN LÀ SỰ KIẾN, đây là loại thời gian vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan. Một mặt, những sự kiện thiên nhiên diễn ra sự thay đổi đồng loạt, đánh dấu chuyển giao thời gian. Những sự kiện này mang tính khách quan, tức hạn chế sự tác động từ con người. Mặt khác, những sự kiện lịch sử, xã hội được ghi nhận, đánh dấu cột mốc đáng nhớ của cộng đồng. Do vậy, những sự kiện này mang tính chủ quan, là quy ước phổ quát trong cộng đồng dân tộc.

- *Gà lại gáy sáng rồi! / thêm khoảnh khắc đời người mãi mãi chìm miền viễn...* (tr.93)

- *Gà gáy canh năm / ánh lê minh lệ lộ phía chân trời* (tr.70)

Sự kiện gà gáy vào canh năm diễn ra thường xuyên. Đây là hình thức tri nhận thơ ngộ của con người. Trong ca dao về Hà Nội, hình ảnh *gà gáy canh* đã trở nên quen thuộc, điển phạm văn học dân gian.

Gió đưa cành trúc la đà / Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương / Mịt mù khói tỏa ngàn sương, / Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ (tr.309)

Trong thơ Anh Hồng, một lần nữa hình ảnh này được tái hiện. Hình ảnh thể hiện lối tư duy thời gian của cộng đồng văn hoá nông nghiệp. Nhóm người sắc sảo trong việc quan sát các sự kiện tự nhiên, xã hội và quy ước chúng thành ý niệm thời gian. Bên cạnh đó, trong ý niệm THỜI GIAN LÀ SỰ KIẾN, nhiều trường hợp thể hiện sự tương quan với ý niệm THỜI GIAN TUẦN HOÀN. Đặc biệt là ý niệm phân định về mùa, loại ý niệm tiêu biểu thể hiện mối tương quan. Loại sự kiện mang tính chủ quan không xuất hiện trong thơ Anh Hồng.

THỜI GIAN LÀ KẸ HỦY DIỆT là loại ý niệm phổ quát, phổ biến của nhân loại. Cảm xúc mất mát, phá hủy bộc phát từ cảm thức thời gian. Vạn vật đều tồn tại trong khoảng thời đoạn nhất định, không có sự vật trường tồn, không có cá thể vĩnh sinh. “Sự hiểu biết của chúng ta về sự sống và cái chết gắn liền rất nhiều với sự hiểu biết của chúng ta về thời gian” (Our understanding of life and death is very much bound up with our understanding of time) [15, tr.31] và “thời gian quyết định của chúng ta là sự cạn kiệt và chúng ta sẽ mất” (Our allotted time eventually be used up, and we will die) [15, tr.31]. THỜI GIAN, CÁI CHẾT, SỰ SỐNG là những ý niệm tương quan.

khoảnh khắc sinh tử của con người quay quay cuồng / trong trò đùa phận số (tr.54)

Nếu sự sống gắn chặt với thời điểm bắt đầu của thời gian thì cái chết gắn chặt với thời điểm kết thúc của thời gian. Đời người là một quãng thời gian. Độ dài của quãng biến đổi linh hoạt, diễn ra sự khác biệt giữa các cá thể. Tuy nhiên, những điểm chung vẫn được thể hiện. Trong tập thơ này, tâm sinh lí về tuổi tác là cơ sở chính cho loại ý niệm này.

Tôi đi tìm Tôi / dưới vòm trời / chỉ còn ánh sáng chiều / Vừa tắt... / chỉ còn / những bông hoa xấu hổ / vừa khép mi / cánh mong manh / từ chồi / đêm / ngủ một giấc dài... (tr.8)

Mối quan hệ giữa các ý niệm về thời gian, ánh sáng, bóng tối, sự sống, cái chết được xác lập. Trong đó, SỰ SỐNG LÀ ÁNH SÁNG, CÁI CHẾT LÀ BÓNG TỐI. Chúng là những ý niệm song tồn, tiền giả định cho nhau. Mối quan hệ giữa chúng vừa mang tính chất phủ định vừa mang tính chất khẳng định. Trong đoạn thơ trên, hệ thống ý niệm thời gian mang tính phức cấu. Ngoài những ý niệm vừa nêu, ý niệm ĐỜI NGƯỜI LÀ MỘT NGÀY, CHẾT LÀ NGỦ cũng được thể hiện. Từ đó, chúng tôi khẳng định ý niệm về thời gian trong thơ *Tôi & đêm, và...* của Anh Hồng mang tính phức cấu.

Thời gian mang tính chất vô hình, vô vị, vô thanh. Vì thế, thời gian hoàn toàn thuộc về tư duy, nhận thức của con người. Việc tri nhận thời gian qua âm thanh tạo nên âm sắc cho thời gian, THỜI GIAN LÀ ÂM THANH.

sô-cô-la đắng mình em... / hoa hồng cũng mình em... / và tiếng đêm... mình em... (tr.26)

Vượt ngoài phạm vi tri nhận của thị giác, tri nhận thính giác thể hiện ý niệm thời gian độc đáo. Việc dùng miền ý niệm trừu tượng để ánh xạ cho miền ý niệm trừu tượng khác dường như chưa có tiền lệ. Ý niệm này có thể mang tính phi lí hiện thực, phi lí thuyết Ngôn ngữ học tri nhận.

Bên cạnh cơ sở vật chất, sinh lí, tự nhiên, xã hội, kinh nghiệm và văn hoá, triết học hiện sinh cung cấp cho chúng tôi cơ sở để lí giải ý niệm về thời gian trong thơ Anh Hồng. Triết học hiện sinh đề ra nhiều phạm trù, trong đó, lo âu được biểu hiện rõ. Dưới sự biến động của tuổi tác, hình dáng, tâm trạng lo âu và tuyệt vọng được thể hiện qua tư duy tri nhận về thời gian. Con người trong thơ bị vây kín bởi thời gian. Trạng thái ám ảnh thời gian được hình thành, THỜI GIAN LÀ KẼ HỦY DIỆT; con người *chìm* trong thời gian, THỜI GIAN LÀ CHẤT LỎNG; con người giao tiếp với thời gian, THỜI GIAN LÀ CON NGƯỜI;... Hầu hết thời gian được nhắc đến trong thơ là đêm. Dưới tâm thức hiện sinh, đêm gắn liền với sự âu lo và tuyệt vọng, BÓNG TỐI LÀ TIÊU CỰC.

5. Kết luận

Ý niệm THỜI GIAN trong *Tôi & đêm, và...* của nhà thơ Anh Hồng được thể hiện qua các miền nguồn khác nhau như: VẬT THỂ, TUYÊN TÍNH, TUẦN HOÀN, CON NGƯỜI, SỰ KIỆN, KHÔNG GIAN, KẼ HỦY DIỆT, ÂM THANH, CHẤT LỎNG. Hệ thống miền nguồn này phản ánh tâm thức tri nhận phức cấu về thời gian. Các ý niệm về thời gian phản ánh sự ảnh hưởng của những nền tảng tư tưởng như: Phật giáo, triết học cổ đại của người Trung Hoa, triết học hiện sinh, văn hoá sông nước,... đến chủ thể sáng tác.

Ngoài ra, hệ thống ý niệm về thời gian mang tính phức cấu với sự tương quan giữa các ý niệm về con người, vật thể, không gian, cảm xúc,... Ý niệm đêm, bóng tối thể hiện tâm thức hiện sinh và góp phần khơi gợi triết lí hiện sinh trong thơ.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

1. Anh Hồng. *Tôi & đêm và...* NXB Hội Nhà văn. 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ. *Ngôn ngữ học tri nhận (ghi chép và suy nghĩ)*. NXB Khoa học xã hội. 2007.
2. Trần Văn Cơ. *Khảo luận ẩn dụ tri nhận*. NXB Lao động - Xã hội. 2009.
3. Gurêvich, A, JA. *Các phạm trù văn hoá Trung cổ*. NXB Giáo dục. 1998.
4. Phan Thế Hưng. *Ẩn dụ ý niệm*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 7, tr.09-18. 2007
5. Nguyễn Văn Hiệp. *Ngữ nghĩa của RA, VÁO trong tiếng Việt nhìn từ góc độ nghiệm thân*. Đại học Thành Công (Đài Loan): Ki yếu Hội thảo Quốc tế Đài Loan - Việt Nam. 2013.
6. Nguyễn Thủy Loan. *Tục ngữ cao dao dân ca Hà Nội*. NXB Hà Nội. 2010.
7. Hoàng Phong. *Phật giáo trong thế giới tân tiến ngày nay*. NXB Tôn giáo. 2012.
8. Trịnh Sâm. *Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Nam Bộ*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. 2013.
9. Trịnh Sâm. *Ẩn dụ ý niệm và những vấn đề còn lại*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, 12(254), tr. 01-05. 2016.
10. Lý Toàn Thắng. *Ngôn ngữ học tri nhận từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam. 2009.
11. Lý Toàn Thắng. *Ngôn ngữ học tri nhận: Những nội dung quan yếu*. NXB Khoa học xã hội. 2015.
12. Jullien, F. *Bàn về chữ "thời"*. NXB Đà Nẵng. 2005.

Tiếng nước ngoài

13. Hill, C. *Up/Down, Front/Back, Left/Right*. A contrastive study of Hausa and English, in: Here and there. Amsterdam, Filadenphia. 1962.
14. Lakoff, G., & Johnson, M. *Metaphors we live by*. University of Chicago Press. 2003.
15. Lakoff, G, Turner, M. *More than cool reason: A Field guide to poetic metaphor*. University of Chicago Press. 1989.
16. Lakoff, G., & Johnson, M. *Philosophy in the flesh: The embodied mind and its challenge to Western thought*. Basic Books. 1999.